

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-10-2023

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh Q

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dũng và ông Nguyễn Thế Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hải Sâm- Thư ký TAND huyện Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/7/2023 về tranh chấp “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trương Thị T, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: anh Cao Văn Q, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Trương Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Cao Văn Q là vợ chồng lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không mấy khi to tiếng với nhau. Tuy nhiên do vợ chồng chung sống với nhau lâu không có con chung nên dần phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi vã, đôi lúc xô xát nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã về bên ngoại sống cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng với anh Q từ đầu năm 2023 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh Cao Văn Q.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung

Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Cao Văn Q đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Kết quả xác minh cho thấy bị đơn hiện đăng ký thường trú tại địa chỉ xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Tòa án đã tiến hành giao trực tiếp các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải... cho bị đơn nhưng không thành nên đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng trên theo quy định, đồng thời giao cho bà Đoàn Thị K (mẹ đẻ của anh Q) nhận, bà K cam đoan giao lại cho anh Q. Tuy nhiên bị đơn không có mặt tại tòa án để giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Cao Văn Q; về con chung: không có con chung; về tài sản chung: đề nghị không xem xét; về án phí: buộc chị Th phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn; bị đơn hiện đăng ký thường trú tại huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị T và anh Cao Văn Q lấy nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 do UBND xã Dn, huyện D, tỉnh Nghệ An cấp ngày 24/02/2016 vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày quá trình chung sống do vợ chồng không có con chung nên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ đầu năm 2023 đến nay nên kiên quyết ly hôn. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Kết quả xác minh tại nơi cư trú và lời khai của người nhà bị đơn cũng cho thấy: quá trình chung sống giữa chị Trương Thị T và anh Cao Văn Q xảy ra mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng: căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại nơi cư trú cũng như lời khai của đương sự chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh Q đã thực sự trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị T và anh Cao Văn Q không có con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về quan hệ tài sản chung nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Cao Văn Q
2. Về con chung: chị Trương Thị T và anh Cao Văn Q không có con chung

3. Về án phí: chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai số AA/2022/0004557 ngày 27/7/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- UBND xã D
- (ĐKKH số 74 ngày 24/02/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Nhung